

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc tạm giao biên chế cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng  
trong các cơ quan, đơn vị sự nghiệp của Đảng, Mặt trận Tổ quốc  
cấp tỉnh, cấp xã năm 2025**

-----

Căn cứ Quy định số 70-QĐ/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về quản lý biên chế của hệ thống chính trị;

Căn cứ Quyết định số 72-QĐ/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về biên chế các cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy khối trực thuộc Trung ương giai đoạn 2022-2026;

Căn cứ Quyết định số 3213-QĐ/BTCTW ngày 11/11/2024 của Ban Tổ chức Trung ương về biên chế của tỉnh Hưng Yên năm 2025; Quyết định số 3191-QĐ/BTCTW ngày 11/11/2024 của Ban Tổ chức Trung ương về biên chế của tỉnh Thái Bình năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quy định số 761-QĐ/TU ngày 10/02/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử của hệ thống chính trị tỉnh Hưng Yên;

Xét đề nghị của Ban Tổ chức Tỉnh ủy (*Tờ trình số 92-TTr/BTCTU ngày 22/9/2025*)

**BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY  
QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Tạm giao biên chế cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng trong các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy, Đảng ủy các cơ quan đảng tỉnh, Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh năm 2025 như sau:

**1.** Cán bộ, công chức: 368 biên chế.

**2.** Viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước: 278 biên chế; viên chức hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp: 48 biên chế

3. Lao động hợp đồng hưởng lương từ ngân sách nhà nước 52 người; lao động hợp đồng hưởng lương từ nguồn kinh phí tự chủ, được ngân sách nhà nước cấp và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định 36 người.

(Chi tiết Phụ lục 1 kèm theo)

**Điều 2.** Tạm giao biên chế cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng đối với cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh như sau:

1. Cán bộ, công chức: 180 biên chế;
2. Viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước: 25 biên chế.
3. Lao động hợp đồng hưởng lương từ ngân sách nhà nước 26 người; lao động hợp đồng hưởng lương từ nguồn kinh phí tự chủ 05 người.

**Điều 3.** Tạm giao biên chế cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng đối với khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã năm 2025 như sau:

1. Cán bộ, công chức: 3.115 biên chế.
2. Viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước: 60 biên chế.
3. Lao động hợp đồng hưởng lương từ ngân sách nhà nước 208 người; lao động hợp đồng hưởng lương từ nguồn kinh phí tự chủ 208 người.

(Chi tiết Phụ lục 2 kèm theo)

#### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức thực hiện chủ trương, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về quản lý, sử dụng biên chế được giao; triển khai giao biên chế cho các đơn vị, đầu mối trực thuộc bảo đảm chặt chẽ, hiệu quả, đúng quy định.

2. Ban Tổ chức Tỉnh ủy, các cơ quan, đơn vị sự nghiệp của Đảng, cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, cấp xã chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

#### **Nơi nhận:**

- Ban Tổ chức Trung ương (để b/c),
- Các CQ chuyên trách TMGV Tỉnh ủy,
- Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh,
- Đảng ủy UBND tỉnh,
- Ủy ban MTTQVN tỉnh,
- Sở Nội vụ,
- Sở Tài chính,
- Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy,
- Đảng ủy các xã, phường,
- Các đ/c UV BTVTU,
- Lãnh đạo VPTU,
- Lưu VPTU.



**Trần Quốc Toàn**



**Phụ lục 1**  
**TẠM GIAO BIÊN CHẾ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC TRONG CÁC CƠ QUAN,**  
**ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CỦA ĐẢNG, CƠ QUAN ỦY BAN MTTQ VIỆT NAM CẤP TỈNH NĂM 2025**  
*(Kèm theo Quyết định số 305 -QĐ/TU ngày 30/9/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)*

| TT | Cơ quan, đơn vị                         | Số cán bộ, công chức, viên chức tạm giao |                  |                  | Số lao động hợp đồng tạm giao |                  |                                     | Ghi chú |
|----|-----------------------------------------|------------------------------------------|------------------|------------------|-------------------------------|------------------|-------------------------------------|---------|
|    |                                         | Cán bộ, công chức                        | Viên chức        |                  | Tổng số                       | Hưởng lương NSNN | Hưởng lương từ kinh phí tự chủ/NTSN |         |
|    |                                         |                                          | Hưởng lương NSNN | Hưởng lương NTSN |                               |                  |                                     |         |
|    | TỔNG SỐ                                 | 548                                      | 303              | 48               | 119                           | 78               | 41                                  |         |
| A  | Các ban Đảng và Văn phòng Tỉnh ủy       | 368                                      | 0                | 0                | 46                            | 32               | 14                                  |         |
|    | Thường trực Tỉnh ủy                     | 3                                        |                  |                  |                               |                  |                                     |         |
| 1  | Văn phòng Tỉnh ủy                       | 74                                       |                  |                  | 16                            | 14               | 2                                   |         |
| 2  | Ban Tổ chức Tỉnh ủy                     | 59                                       |                  |                  | 5                             | 3                | 2                                   |         |
| 3  | Cơ quan UBKT Tỉnh ủy                    | 51                                       |                  |                  | 6                             | 4                | 2                                   |         |
| 4  | Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy       | 78                                       |                  |                  | 5                             | 3                | 2                                   |         |
| 5  | Ban Nội chính Tỉnh ủy                   | 40                                       |                  |                  | 5                             | 3                | 2                                   |         |
| 6  | Đảng ủy các cơ quan Đảng                | 29                                       |                  |                  | 4                             | 2                | 2                                   |         |
| 7  | Đảng ủy UBND tỉnh                       | 34                                       |                  |                  | 5                             | 3                | 2                                   |         |
| B  | Đơn vị sự nghiệp thuộc Tỉnh ủy          | 0                                        | 278              | 48               | 42                            | 20               | 22                                  |         |
| 8  | Trường Chính trị Nguyễn Văn Linh        |                                          | 86               |                  | 9                             | 2                | 7                                   |         |
| 9  | Báo và Phát thanh, Truyền hình Hưng Yên |                                          | 192              | 48               | 33                            | 18               | 15                                  |         |
| C  | Cơ quan Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh       | 180                                      | 25               | 0                | 31                            | 26               | 5                                   |         |





**Phụ lục 2**  
**TẠM GIAO BIÊN CHẾ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC TRONG CÁC CƠ QUAN,**  
**ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CỦA ĐẢNG, CƠ QUAN ỦY BAN MTTQ VIỆT NAM CẤP XÃ NĂM 2025**  
(Kèm theo Quyết định số **103** -QĐ/TU ngày **10** /9/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

| TT | Cơ quan, đơn vị     | Số cán bộ, công chức, viên chức<br>tạm giao |                      |           | Số lao động hợp đồng<br>tạm giao |                                      | Ghi chú |
|----|---------------------|---------------------------------------------|----------------------|-----------|----------------------------------|--------------------------------------|---------|
|    |                     | Tổng                                        | Chia ra              |           | Lao động hợp đồng                |                                      |         |
|    |                     |                                             | Cán bộ, công<br>chức | Viên chức | Hưởng lương<br>NSNN              | Hưởng lương<br>từ kinh phí tự<br>chủ |         |
|    | Tổng                | 3,173                                       | 3,115                | 60        | 208                              | 208                                  |         |
| 1  | Phường Phố Hiến     | 48                                          | 47                   | 3         | 2                                | 2                                    |         |
| 2  | Phường Sơn Nam      | 35                                          | 35                   |           | 2                                | 2                                    |         |
| 3  | Phường Hồng Châu    | 34                                          | 34                   |           | 2                                | 2                                    |         |
| 4  | Xã Tân Hưng         | 29                                          | 29                   |           | 2                                | 2                                    |         |
| 5  | Xã Ân Thi           | 32                                          | 29                   | 3         | 2                                | 2                                    |         |
| 6  | Xã Xuân Trúc        | 29                                          | 29                   |           | 2                                | 2                                    |         |
| 7  | Xã Phạm Ngũ Lão     | 29                                          | 29                   |           | 2                                | 2                                    |         |
| 8  | Xã Nguyễn Trãi      | 29                                          | 29                   |           | 2                                | 2                                    |         |
| 9  | Xã Hồng Quang       | 29                                          | 29                   |           | 2                                | 2                                    |         |
| 10 | Xã Lương Bằng       | 39                                          | 35                   | 4         | 2                                | 2                                    |         |
| 11 | Xã Nghĩa Dân        | 29                                          | 29                   |           | 2                                | 2                                    |         |
| 12 | Xã Hiệp Cường       | 29                                          | 29                   |           | 2                                | 2                                    |         |
| 13 | Xã Đức Hợp          | 29                                          | 29                   |           | 2                                | 2                                    |         |
| 14 | Xã Khoái Châu       | 41                                          | 38                   | 3         | 2                                | 2                                    |         |
| 15 | Xã Triệu Việt Vương | 34                                          | 34                   |           | 2                                | 2                                    |         |
| 16 | Xã Việt Tiến        | 30                                          | 30                   |           | 2                                | 2                                    |         |
| 17 | Xã Chí Minh         | 31                                          | 31                   |           | 2                                | 2                                    |         |
| 18 | Xã Châu Ninh        | 29                                          | 29                   |           | 2                                | 2                                    |         |
| 19 | Xã Yên Mỹ           | 36                                          | 32                   | 4         | 2                                | 2                                    |         |
| 20 | Xã Việt Yên         | 29                                          | 29                   |           | 2                                | 2                                    |         |
| 21 | Xã Hoàn Long        | 29                                          | 29                   |           | 2                                | 2                                    |         |
| 22 | Xã Nguyễn Văn Linh  | 31                                          | 31                   |           | 2                                | 2                                    |         |
| 23 | Phường Mỹ Hào       | 33                                          | 30                   | 3         | 2                                | 2                                    |         |
| 24 | Phường Đường Hào    | 29                                          | 29                   |           | 2                                | 2                                    |         |
| 25 | Phường Thượng Hồng  | 29                                          | 29                   |           | 2                                | 2                                    |         |
| 26 | Xã Như Quỳnh        | 35                                          | 35                   |           | 2                                | 2                                    |         |



| TT | Cơ quan, đơn vị      | Số cán bộ, công chức, viên chức<br>tạm giao |                      |           | Số lao động hợp đồng<br>tạm giao |                                      | Ghi chú |
|----|----------------------|---------------------------------------------|----------------------|-----------|----------------------------------|--------------------------------------|---------|
|    |                      | Tổng                                        | Chia ra              |           | Lao động hợp đồng                |                                      |         |
|    |                      |                                             | Cán bộ, công<br>chức | Viên chức | Hưởng lương<br>NSNN              | Hưởng lương<br>từ kinh phí tự<br>chủ |         |
| 27 | Xã Lạc Đạo           | 35                                          | 32                   | 3         | 2                                | 2                                    |         |
| 28 | Xã Đại Đồng          | 29                                          | 29                   |           | 2                                | 2                                    |         |
| 29 | Xã Nghĩa Trụ         | 29                                          | 29                   |           | 2                                | 2                                    |         |
| 30 | Xã Phụng Công        | 32                                          | 29                   | 3         | 2                                | 2                                    |         |
| 31 | Xã Văn Giang         | 29                                          | 29                   |           | 2                                | 2                                    |         |
| 32 | Xã Mỹ Sở             | 29                                          | 29                   |           | 2                                | 2                                    |         |
| 33 | Xã Quang Hưng        | 29                                          | 29                   |           | 2                                | 2                                    |         |
| 34 | Xã Đoàn Đào          | 29                                          | 29                   |           | 2                                | 2                                    |         |
| 35 | Xã Tiên Tiến         | 32                                          | 29                   | 3         | 2                                | 2                                    |         |
| 36 | Xã Tống Trân         | 29                                          | 29                   |           | 2                                | 2                                    |         |
| 37 | Xã Hoàng Hoa Thám    | 40                                          | 37                   | 3         | 2                                | 2                                    |         |
| 38 | Xã Tiên Lữ           | 32                                          | 32                   |           | 2                                | 2                                    |         |
| 39 | Xã Tiên Hoa          | 29                                          | 29                   |           | 2                                | 2                                    |         |
| 40 | Phường Thái Bình     | 37                                          | 37                   |           | 2                                | 2                                    |         |
| 41 | Phường Trần Lãm      | 38                                          | 34                   | 4         | 2                                | 2                                    |         |
| 42 | Phường Trần Hưng Đạo | 33                                          | 33                   |           | 2                                | 2                                    |         |
| 43 | Phường Trà Lý        | 32                                          | 32                   |           | 2                                | 2                                    |         |
| 44 | Phường Vũ Phúc       | 31                                          | 31                   |           | 2                                | 2                                    |         |
| 45 | Xã Thái Thụy         | 32                                          | 29                   | 3         | 2                                | 2                                    |         |
| 46 | Xã Đông Thụy Anh     | 29                                          | 29                   |           | 2                                | 2                                    |         |
| 47 | Xã Bắc Thụy Anh      | 29                                          | 29                   |           | 2                                | 2                                    |         |
| 48 | Xã Thụy Anh          | 29                                          | 29                   |           | 2                                | 2                                    |         |
| 49 | Xã Nam Thụy Anh      | 29                                          | 29                   |           | 2                                | 2                                    |         |
| 50 | Xã Bắc Thái Ninh     | 29                                          | 29                   |           | 2                                | 2                                    |         |
| 51 | Xã Thái Ninh         | 29                                          | 29                   |           | 2                                | 2                                    |         |
| 52 | Xã Đông Thái Ninh    | 29                                          | 29                   |           | 2                                | 2                                    |         |
| 53 | Xã Nam Thái Ninh     | 29                                          | 29                   |           | 2                                | 2                                    |         |
| 54 | Xã Tây Thái Ninh     | 29                                          | 29                   |           | 2                                | 2                                    |         |
| 55 | Xã Tây Thụy Anh      | 29                                          | 29                   |           | 2                                | 2                                    |         |
| 56 | Xã Tiên Hải          | 32                                          | 28                   | 4         | 2                                | 2                                    |         |
| 57 | Xã Tây Tiên Hải      | 29                                          | 29                   |           | 2                                | 2                                    |         |

| TT | Cơ quan, đơn vị   | Số cán bộ, công chức, viên chức<br>tạm giao |                      |           | Số lao động hợp đồng<br>tạm giao |                                      | Ghi chú |
|----|-------------------|---------------------------------------------|----------------------|-----------|----------------------------------|--------------------------------------|---------|
|    |                   | Tổng                                        | Chia ra              |           | Lao động hợp đồng                |                                      |         |
|    |                   |                                             | Cán bộ, công<br>chức | Viên chức | Hưởng lương<br>NSNN              | Hưởng lương<br>từ kinh phí tự<br>chủ |         |
| 58 | Xã Ái Quốc        | 29                                          | 29                   |           | 2                                | 2                                    |         |
| 59 | Xã Đồng Châu      | 29                                          | 29                   |           | 2                                | 2                                    |         |
| 60 | Xã Đông Tiền Hải  | 29                                          | 29                   |           | 2                                | 2                                    |         |
| 61 | Xã Nam Cường      | 29                                          | 29                   |           | 2                                | 2                                    |         |
| 62 | Xã Hưng Phú       | 29                                          | 29                   |           | 2                                | 2                                    |         |
| 63 | Xã Nam Tiền Hải   | 29                                          | 29                   |           | 2                                | 2                                    |         |
| 64 | Xã Quỳnh Phú      | 33                                          | 30                   | 3         | 2                                | 2                                    |         |
| 65 | Xã Minh Thọ       | 29                                          | 29                   |           | 2                                | 2                                    |         |
| 66 | Xã Nguyễn Du      | 29                                          | 29                   |           | 2                                | 2                                    |         |
| 67 | Xã Quỳnh An       | 29                                          | 29                   |           | 2                                | 2                                    |         |
| 68 | Xã Ngọc Lâm       | 29                                          | 29                   |           | 2                                | 2                                    |         |
| 69 | Xã Đồng Bằng      | 29                                          | 29                   |           | 2                                | 2                                    |         |
| 70 | Xã A Sào          | 29                                          | 29                   |           | 2                                | 2                                    |         |
| 71 | Xã Phụ Dực        | 29                                          | 29                   |           | 2                                | 2                                    |         |
| 72 | Xã Tân Tiến       | 29                                          | 29                   |           | 2                                | 2                                    |         |
| 73 | Xã Đông Hưng      | 32                                          | 29                   | 3         | 2                                | 2                                    |         |
| 74 | Xã Bắc Tiên Hưng  | 29                                          | 29                   |           | 2                                | 2                                    |         |
| 75 | Xã Đông Tiên Hưng | 29                                          | 29                   |           | 2                                | 2                                    |         |
| 76 | Xã Nam Đông Hưng  | 29                                          | 29                   |           | 2                                | 2                                    |         |
| 77 | Xã Bắc Đông Quan  | 29                                          | 29                   |           | 2                                | 2                                    |         |
| 78 | Xã Bắc Đông Hưng  | 29                                          | 29                   |           | 2                                | 2                                    |         |
| 79 | Xã Đông Quan      | 29                                          | 29                   |           | 2                                | 2                                    |         |
| 80 | Xã Nam Tiên Hưng  | 29                                          | 29                   |           | 2                                | 2                                    |         |
| 81 | Xã Tiên Hưng      | 29                                          | 29                   |           | 2                                | 2                                    |         |
| 82 | Xã Hưng Hà        | 32                                          | 29                   | 3         | 2                                | 2                                    |         |
| 83 | Xã Tiên La        | 29                                          | 29                   |           | 2                                | 2                                    |         |
| 84 | Xã Lê Quý Đôn     | 29                                          | 29                   |           | 2                                | 2                                    |         |
| 85 | Xã Hồng Minh      | 29                                          | 29                   |           | 2                                | 2                                    |         |
| 86 | Xã Thần Khê       | 29                                          | 29                   |           | 2                                | 2                                    |         |
| 87 | Xã Diên Hà        | 29                                          | 29                   |           | 2                                | 2                                    |         |
| 88 | Xã Ngự Thiên      | 29                                          | 29                   |           | 2                                | 2                                    |         |



| TT  | Cơ quan, đơn vị | Số cán bộ, công chức, viên chức<br>tạm giao |                      |           | Số lao động hợp đồng<br>tạm giao |                                      | Ghi chú |
|-----|-----------------|---------------------------------------------|----------------------|-----------|----------------------------------|--------------------------------------|---------|
|     |                 | Tổng                                        | Chia ra              |           | Lao động hợp đồng                |                                      |         |
|     |                 |                                             | Cán bộ, công<br>chức | Viên chức | Hưởng lương<br>NSNN              | Hưởng lương<br>từ kinh phí tự<br>chủ |         |
| 89  | Xã Long Hưng    | 29                                          | 29                   |           | 2                                | 2                                    |         |
| 90  | Xã Kiến Xương   | 32                                          | 28                   | 4         | 2                                | 2                                    |         |
| 91  | Xã Lê Lợi       | 29                                          | 29                   |           | 2                                | 2                                    |         |
| 92  | Xã Quang Lịch   | 29                                          | 29                   |           | 2                                | 2                                    |         |
| 99  | Xã Vũ Quý       | 29                                          | 29                   |           | 2                                | 2                                    |         |
| 94  | Xã Bình Thanh   | 29                                          | 29                   |           | 2                                | 2                                    |         |
| 95  | Xã Bình Định    | 29                                          | 29                   |           | 2                                | 2                                    |         |
| 96  | Xã Hồng Vũ      | 29                                          | 29                   |           | 2                                | 2                                    |         |
| 97  | Xã Bình Nguyên  | 29                                          | 29                   |           | 2                                | 2                                    |         |
| 98  | Xã Trà Giang    | 29                                          | 29                   |           | 2                                | 2                                    |         |
| 99  | Xã Vũ Thư       | 33                                          | 29                   | 4         | 2                                | 2                                    |         |
| 100 | Xã Thư Trì      | 29                                          | 29                   |           | 2                                | 2                                    |         |
| 101 | Xã Tân Thuận    | 29                                          | 29                   |           | 2                                | 2                                    |         |
| 102 | Xã Thư Vũ       | 29                                          | 29                   |           | 2                                | 2                                    |         |
| 103 | Xã Vũ Tiên      | 29                                          | 29                   |           | 2                                | 2                                    |         |
| 104 | Xã Vạn Xuân     | 29                                          | 29                   |           | 2                                | 2                                    |         |